

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HN- ST

Ngày 07/4/2021

V/v: “Xin ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hiền

Bà Mai Thị Nhắc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày **07** tháng **4** năm **2021** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 32/2021/TLST-HN ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc “*xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-HN ngày 11 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 62/2021/QĐST-HN ngày 23/3/2021 giữa:

*** Nguyên đơn:** Trần Thị C, sinh 1985 (có mặt)

Trú tại: Ấp B, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

*** Bị đơn:**

Võ Văn L, sinh 1979 (vắng mặt không có lý do)

Trú tại: Ấp An , xã An T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị C trình bày:

Vào năm 2004 do mai mối, nên tôi và anh L đã tiến tới hôn nhân, chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Thạnh, huyện M. Sau khi cưới nhau chúng tôi sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ đó chúng tôi sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay tôi xin ly hôn với anh L.

Quá trình sống Chung chúng tôi có 02 con Chung tên Võ Thị Thi, sinh ngày 17/12/2005 và Võ Thành Lâm, sinh ngày 25/7/2007, nay tôi để 02 con cho anh L nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con

Tài sản Chung, nợ Chung: Không có.

Bị đơn Võ Văn L vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án và cũng không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ đầy đủ, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Áp dụng điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

Về con C: Đề nghị giao cả hai con cho anh L nuôi dưỡng. Do anh L không có yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét

Tài sản C, nợ C: Không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Chị C cho rằng quá trình sống Chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó chị khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị C có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của chị C là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã An Thới, huyện M. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Bị đơn Võ Văn L đã được Tòa án triệu tập xét xử hai lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Chị C, anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên

được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống có hạnh phúc trong thời gian dài có con 02 Chung lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, từ đó vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và anh, chị đã quyết định sống ly thân từ năm 2012 đến nay bỏ mặt cho nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết chị C vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn anh L đã được triệu tập rất nhiều lần để Tòa án tiến hành tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy anh L không có thiện chí muốn trở về C sống với chị C. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị là có thật, nếu để anh chị tiếp tục C sống thì mục đích hôn nhân sẽ không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C là phù hợp.

[2] Về con Chung: Tại phiên tòa chị C đồng ý để cả hai con cho anh L nuôi dưỡng, các con Võ Thị Thi, Võ Thành Lâm sau khi được hỏi ý kiến cũng có nguyện vọng sống với cha, nên giao cả hai con cho anh L nuôi dưỡng là phù hợp. Anh L không có yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét

[3] Tài sản C, nợ C: Không có, nên không xem xét.

[4] Chị C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56, 81,82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị C. Chị Trần Thị C được ly hôn với anh Võ Văn L.

Về con Chung: L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Thị Thi, sinh ngày 17/12/2005 và Võ Thành Lâm, sinh ngày 25/7/2007, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn, cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con C, người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con C, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có căn cứ một hoặc cả hai bên chị C, anh L được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản C, nợ C: Không có, nên không xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị C chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005874 ngày 25/01/2021 là đủ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M(1b);
- UBND xã An Thạnh (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thanh Phong